

Số: 5536 -QĐ/HVBCTT

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành các chỉ số thị trường giáo dục

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 9019-QĐ/HVCTQG ngày 29/4/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

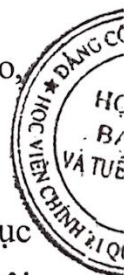
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bộ chỉ số thị trường giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền” (sau đây gọi là Bộ chỉ số) gồm các nội dung sau:

1. Mục đích

- Cập nhật Bộ chỉ số thị trường giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
- Theo dõi, giám sát kết quả thực hiện Bộ chỉ số trong các đơn vị của Học viện.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- Bộ chỉ số này được áp dụng trong toàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền



- Đối tượng áp dụng là các đơn vị bao gồm các phòng, ban chức năng; các Khoa/Viện đào tạo.

3. Nguyên tắc xây dựng Bộ chỉ số

- Bộ chỉ số được xây dựng trên cơ sở điều kiện thực tế của Học viện, đảm bảo tính thực chất, khách quan, minh bạch.

- Bộ chỉ số có tính mở, có thể cập nhật phù hợp với tình hình thực tế theo từng năm học.

- Có tính thực tiễn, khả thi trong áp dụng.

4. Cấu trúc Bộ chỉ số

- Bộ chỉ số gồm 3 nhóm gồm (phụ kèm chi tiết kèm theo):

1. Chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo
2. Chỉ số thị trường của hoạt động nghiên cứu khoa học
3. Chỉ số thị trường của hoạt động phục vụ cộng đồng

5. Tổ chức thực hiện

- Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ số thuộc lĩnh vực quản lý.

- Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo hướng dẫn và tổ chức giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện bộ chỉ số tại các đơn vị theo năm học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế Bộ chỉ số thị trường giáo dục đã thực hiện từ năm học 2019 - 2020.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để chỉ đạo)
- Các đơn vị có liên quan (để thực hiện)
- Lưu VT, TTKT&ĐBCLĐT,



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

BỘ CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG GIÁO DỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5536-QĐ/HVBCTT ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Phân loại nhóm chỉ số	Tên chỉ số	Mục tiêu	Ghi chú
Chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo	- Vị trí xếp hạng web của trường đại học (Webometrics)	- Tăng hạng trên bảng xếp hạng https://webometrics.info/en/Asia/Vietnam	
	- Thị phần trong tuyển sinh	- Số lượng thí sinh tuyển được hàng năm các hệ đào tạo theo Đề án tuyển sinh đạt 2500. - Giảm tỷ lệ sinh viên thôi học, nghỉ học - Tăng cường hoạt động truyền thông tuyển sinh bằng nhiều hình thức tới các tỉnh, thành phố.	
	- Tỷ lệ các chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo chuẩn quốc gia.	- Triển khai kiểm định chất lượng ít nhất 04 chương trình đào tạo trình độ đại học	
	- Tỷ lệ các chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo chuẩn khu vực và quốc tế	- Chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đăng ký kiểm định chất lượng 01 chương trình đào tạo theo AUN.	
Chỉ số thị trường của hoạt động nghiên cứu Khoa/viện học	- Tỷ lệ công bố bài báo khoa học đối với giảng viên	- Đạt từ 1.0 - 1.5 bài/người/năm học	
	- Tỷ lệ trích dẫn khoa học hàng năm	- Đạt từ 5.0 - 8.0/người/năm học	
	- Số lượng giải thưởng nghiên cứu khoa học	- Đạt tối thiểu 05 giải thưởng khoa học đối với cán bộ, giảng viên và từ 01 - 03	

AN VI
TÊN
HÍ
UYẾN
Gi. Học

	hàng năm	giải thưởng khoa học đối với sinh viên/ năm học	
	- Số đề tài, dự án chuyên giao công nghệ	- Triển khai được ít nhất 03 đề tài, dự án/ năm học	
	- Tỷ lệ tăng trưởng số lượng sở hữu trí tuệ được đăng ký	-	
Chỉ số thị trường của hoạt động phục vụ cộng đồng	- Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghịệp	- Đạt tỷ lệ từ 85 - 90% sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp	
	- Số lượng doanh nghiệp tham gia tuyển dụng SV, nhận SV thực tập	- Tối thiểu 500 cơ quan, doanh nghiệp tham gia hoạt động tuyển dụng sv tốt nghịệp, nhận sinh viên kiến tập, thực tập/ năm học	
	- Số lượng các địa phương được triển khai các chương trình hỗ trợ cộng đồng	- Đảm bảo tính đa dạng vùng, miền; ưu tiên các địa phương có hoàn thành khó khăn, vùng sâu vùng xa. - Triển khai tối thiểu 05 hoạt động/năm học.	
	- Mức chi các Quỹ học bổng được Nhà trường đóng góp hằng năm		
	- Các giải thưởng của Nhà trường được các cơ quan chủ quan, cơ quan quản lý trực tiếp, các tổ chức xã hội khen thưởng	- Phần đầu nhận 05 giải thưởng các cấp/ năm học	
	- Tỷ lệ hài lòng của nhà sử dụng lao động về sinh viên tốt nghiệp từ Học viện	- Đạt từ 90% nhà tuyển dụng hài lòng về sinh viên tốt nghiệp Học viện.	